

Vai trò của chăn nuôi bò thịt theo hướng hàng hóa đối với sinh kế của hộ tại huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

Bùi Văn Quang

Trần Thế Cường

Nguyễn Thọ Quang Anh

Khoa Kinh tế và PTNT, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Đàn bò của huyện Điện Biên năm 2019 là 16180 con, tốc độ tăng bình quân qua 3 năm từ 2017 đến nay là 10,10%/năm. Phát triển chăn nuôi bò thịt đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao thu nhập của hộ, góp phần xóa đói giảm nghèo. Theo định hướng của huyện chăn nuôi bò thịt được gắn với liên kết theo chuỗi giá trị. Tuy nhiên, chăn nuôi bò thịt tại huyện cũng chịu ảnh hưởng của các điều kiện dễ tổn thương như thời tiết khí hậu và dịch bệnh, từ đó ảnh hưởng tới sinh kế của hộ. Do đó, bài viết phân tích vai trò của chăn nuôi bò thịt đối với sinh kế của hộ và xác định các rào cản trong tiếp cận các nguồn lực sinh kế để phát triển chăn nuôi bò thịt theo hướng hàng hóa nhằm nâng cao thu nhập cho hộ.

1. Mở đầu

Huyện Điện Biên có lợi thế về địa hình và đất đai phù hợp với phát triển chăn nuôi đại gia súc. Trong đó, chăn nuôi bò thịt được coi là sản phẩm phát triển có lợi thế nhất cho chăn nuôi nông hộ, gia trại, trang trại trên địa bàn hiện nay (UBND tỉnh Điện Biên, 2018). Đàn bò của huyện năm 2019 là 16180 con, tốc độ tăng bình quân qua 3 năm từ 2017 đến nay là 10,10%/năm (UBND huyện Điện Biên, 2019). Phát triển chăn nuôi bò thịt đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao thu nhập của hộ, góp phần xóa đói giảm nghèo. Theo định hướng của huyện chăn nuôi bò thịt được gắn với liên kết theo chuỗi giá trị. Tuy nhiên, chăn nuôi bò thịt tại huyện cũng chịu ảnh hưởng của các điều kiện dễ tổn thương như thời tiết khí hậu và dịch bệnh, từ đó ảnh hưởng tới sinh kế của hộ. Do đó, việc nghiên cứu vai trò của chăn nuôi bò thịt đối với sinh kế của hộ và xác định các rào cản trong tiếp cận các nguồn lực sinh kế để phát triển chăn nuôi bò thịt theo hướng hàng hóa có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao thu nhập cho hộ.

2. Phương pháp nghiên cứu

Khung phân tích sinh kế bền vững hộ gia đình của Scoones, 2009, DFID, 1999. Khung phân tích chỉ ra 5 nguồn lực sinh kế của hộ bao gồm nguồn lực con người (năng lực của người lao động, giáo dục và kỹ năng), nguồn lực tự nhiên (đất và các nguồn tài nguyên), nguồn lực vật chất (nguồn nước, nhà ở), nguồn lực xã hội (vị trí trong cộng đồng và các mối

quan hệ xã hội), nguồn lực tài chính (tiền lương và tiếp cận tài chính) và phương pháp thông kê mô tả được sử dụng trong nghiên cứu. Các thông tin thu thập bao gồm phỏng vấn 90 hộ chăn nuôi bò thịt bằng bảng hỏi tại 3 xã Núa Ngam, Sam Mùn và Pom Lót là các xã có điều kiện tự nhiên thích hợp cho chăn nuôi bò thịt. Bên cạnh đó cả 3 xã đều nằm dọc tỉnh lộ 279 có điều kiện thuận lợi để tiếp cận thị trường. Nội dung phỏng vấn tập trung vào 4 nội dung: i) các hoạt động sinh kế chính của hộ; ii) vai trò của chăn nuôi bò thịt đối với sinh kế của hộ; iii) các chiến lược để phát triển chăn nuôi bò thịt; và, iv) đặc điểm chính của hệ thống chăn nuôi của các hộ tại huyện Điện Biên. Thêm vào đó phương pháp thảo luận nhóm được sử dụng để thu thập các thông tin liên quan đến vai trò và ảnh hưởng của chăn nuôi bò thịt đối với sinh kế của hộ. Nghiên cứu tiến hành 06 thảo luận nhóm tại địa bàn nghiên cứu.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Đặc điểm của các hộ và các hoạt động sinh kế

Số thành viên trung bình trong hộ chăn nuôi bò là 4.33 người với độ tuổi trung bình chủ yếu từ 36 đến 60 tuổi chiếm đến 60%. Trình độ học vấn của chủ hộ chủ yếu là trình độ cấp 1 và cấp 2, chiếm đến gần 70%. Các hoạt động tạo thu nhập của hộ tương đối đa dạng, trong đó chủ yếu thu nhập từ hoạt động trồng với gần 65% số hộ có thu nhập. Đặc biệt tại Núa Ngam tất cả các hộ đều có thu nhập từ hoạt động trồng trọt. Thu

nhập từ hoạt động chăn nuôi bò có 40% số hộ có thu nhập, số hộ có thu nhập từ chăn nuôi bò cao nhất ở xã Sam Múm, thấp nhất ở xã Núa Ngam. Các hộ có thu nhập từ nhiều nguồn, điều đó cho thấy nguồn sinh kế của hộ đa dạng.

Bảng 1: Đặc điểm của các hộ chăn nuôi bò thịt

Chỉ tiêu	Núa Ngam (n = 30)	Pom Lát (n = 30)	Sam Múm (n = 30)	Chuang (n = 90)
Số thành viên trung bình trong hộ	4.70	3.63	4.67	4.33
Tỷ lệ chăn nuôi (%)				
- Từ 16 đến 35 tuổi	23.33	6.67	6.67	12.22
- Tuổi từ 36 đến 55-60 tuổi	40.00	63.33	76.67	60.00
- Trên 55/60 tuổi	36.67	30.00	16.67	27.78
Trình độ học vấn của chủ hộ (%)				
- Không đi học	43.33	3.33	10.00	15.89
- Cấp 1	43.33	20.00	36.67	33.33
- Cấp 2	6.67	56.67	50.00	37.78
- Cấp 3	3.33	13.33	0.00	5.56
- Cao đẳng/đại học	3.33	6.67	3.33	4.44
Hoạt động thu nhập của hộ năm 2019 (%)				
- Trồng lúa	100.00	33.33	60.00	64.44
- Trồng cây	3.33	3.33	6.67	4.44
- Chăn nuôi bò	23.33	30.00	66.67	40.00
- Chăn nuôi khác	43.33	16.67	16.67	25.56
- Làm thuê	3.33	40.00	33.33	25.56
- Lương	10.00	10.00	6.67	8.89

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2019

3.2. Vai trò của chăn nuôi bò với sinh kế của các hộ

Vốn con người: đề cập đến các yếu tố, cho phép các thành viên trong gia đình tham gia vào các hoạt động sinh kế. Các yếu tố như quy mô hộ gia đình, trình độ học vấn, tình trạng sức khỏe và khả năng lao động là rất quan trọng. Chăn nuôi bò ít đóng góp trực tiếp vào vốn con người của các hộ như cung cấp thịt, các hộ thường cùng nhau thịt bò vào dịp tết. Một đóng góp gián tiếp của chăn nuôi bò vào vốn nhân lực đã được thực hiện khi một hộ gia đình bán bò để lấy tiền phục vụ cho các nhu cầu của gia đình như giáo dục, mua thực phẩm và y tế. Thảo luận nhóm cho thấy gần 25% số hộ đã bán bò để đáp ứng nhu cầu giáo dục của gia đình. Bán bò cho phép nông dân đầu tư vào việc học của con cái như học phí và cho con đi học đại học. 100% các hộ gia đình sử dụng lao động của mình để nuôi bò, phụ nữ và người cao tuổi thường được phân công đi chăn bò hàng ngày.

Vốn tự nhiên: Vốn tự nhiên là các nguồn tài nguyên thiên nhiên mà con người có được hay có thể tiếp cận được nhằm phục vụ cho các hoạt động và mục tiêu sinh kế của họ. Nguồn vốn tự nhiên thể hiện khả năng sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên để tạo ra thu nhập phục vụ cho các mục tiêu sinh kế của họ. Giống bò chủ yếu của các hộ sử dụng là bò vàng địa phương chiếm đến 95%, số còn lại là nuôi bò Laisind. Số bò trung bình nuôi ở các hộ là 3.01 con/hộ, số lượng bò nuôi tại các hộ dao động từ 1 đến 16 con. Trong các xã khảo sát chỉ có xã Sam Múm có khu chăn thả chung, tuy nhiên trong khu chăn thả có xen kẽ các diện tích trồng trọt nên các hộ phải có người trông nom. Tại các xã khác, hình thức chăn thả dọc đường

hoặc ven suối là chủ yếu. Vào mùa đông, các hộ chăn nuôi thả bò ra đồng ruộng sau thu hoạch. Tại các xã đã xuất hiện diện tích đất sử dụng để trồng cỏ chăn nuôi bò trung bình hơn 250m²/hộ, diện tích trồng cỏ chủ yếu là đất vườn hoặc tận dụng các khoảng đất trống cạnh đường hoặc bờ ao. 100% các hộ sử dụng phân bò để bón cho ruộng lúa.

Bảng 2: Diện tích đất trồng trọt các cây trồng chính của hộ (m²/hộ)

	Núa Ngam (n = 30)	Pom Lát (n = 30)	Sam Múm (n = 30)	Chuang (n = 90)
Tổng diện tích đất	21572.33	4060.00	5122.33	10251.56
Diện tích đất trồng lúa	3913.33	3206.67	2212.33	2777.44
Diện tích đất trồng Ngô	7816.67	1051.67	1926.67	3595.33
Diện tích đất trồng Sắn	8433.33	3.33	750.00	3072.22
Diện tích đất trồng Cỏ	555.67	140.00	70.00	255.72

Nguồn: Số liệu điều tra, 2019

Vốn xã hội: đề cập đến các mối quan hệ xã hội (hoặc các nguồn lực xã hội) chính thức và phi chính thức mà qua đó người dân có thể tạo ra cơ hội và thu được lợi ích trong quá trình thực thi sinh kế. Chăn nuôi bò thịt có thể tạo ra vốn xã hội thông qua các giá trị văn hóa, và thông qua việc cùng có các mối quan hệ xã hội. Bò thường được giết mổ trong các dịp liên hoan cộng đồng thôn, bản và đám cưới. Việc sở hữu đàn bò lớn tăng vị thế của hộ trong cộng đồng, biểu thị của sự thành đạt, giàu có. Từ đó, trở thành những người có tiếng nói trong cộng đồng và được những người chăn nuôi khác học hỏi kinh nghiệm. Ngoài ra việc bán những con bò thịt giống tốt cho các hộ khác cũng tạo ra các mối quan hệ tốt hơn trong cộng đồng. Khoảng 10% hộ gia đình nuôi bò không thuộc sở hữu của hộ, các hộ nuôi bò sẽ chăm sóc bò mẹ và được nhận bò con sau khi đẻ. Hình thức này gọi là nuôi "rẻ", như vậy vốn xã hội góp phần tăng thêm tài sản sinh kế cho hộ. Đồng góp gián tiếp vào vốn xã hội cũng được thực hiện thông qua các mối quan hệ hình thành khi các hộ gia đình tương tác trong việc bán và mua bò thịt và các sản phẩm từ bò thịt.

Vốn vật chất: là cơ sở hạ tầng, thiết bị và hàng hóa cần thiết để kiểm soát. Chăn nuôi bò đóng góp trực tiếp vào vốn vật chất thông qua việc cung cấp sức kéo để cấy cấy, hơn 13% số hộ sử dụng bò đực để cấy kéo và gián tiếp thông qua việc sử dụng tiền bán bò để sửa hoặc xây nhà, mua tài sản hộ như xe máy, tủ lạnh và tủ lạnh sản xuất như máy cày.

Vốn tài chính: Vốn tài chính là các nguồn tài chính mà người ta sử dụng nhằm đạt được các mục tiêu trong sinh kế. Các nguồn đó bao gồm nguồn dự trữ hiện tại, dòng tiền theo định kỳ và khả năng tiếp cận các nguồn vốn tín dụng từ bên ngoài như từ người thân hay từ các tổ chức tín dụng khác nhau. Bò thịt hiện nay được coi như 1 hình thức tiết kiệm tài chính của hộ.

